

Số: 360/BC-UBND

Bình Phước, ngày 29 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND-VHXXH ngày 21/10/2024 của Ban văn hóa - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh về báo cáo thẩm tra dự thảo Nghị quyết quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (gọi tắt là Nghị quyết);

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 213/TTr-SLĐTBXH ngày 25/10/2024;

Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh tại Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND-VHXXH ngày 21/10/2024 như sau:

1. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội: Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp chưa khẳng định quan điểm thẩm định của Sở về các nội dung như: tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo nghị quyết với hệ thống pháp luật theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Đề nghị bổ sung văn bản khẳng định quan điểm thẩm định của Sở Tư pháp về các nội dung trên.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tư pháp có văn bản bổ sung theo ý kiến của Ban văn hóa - xã hội (Công văn số 2486/STP-PC ngày 29/10/2024 của Sở Tư pháp - gửi kèm). Theo đó, nội dung

tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật đã được thể hiện tại khoản 2 Mục II Báo cáo số 290/BC-STP ngày 26/9/2024 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết (nội dung này được xem xét, đánh giá từ quá trình đề nghị xây dựng Nghị quyết, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến quá trình tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết...). Đồng thời, tại Mục III Báo cáo số 290/BC-STP, Sở Tư pháp đã có ý kiến về điều kiện trình của dự thảo Nghị quyết và đã được được UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh tại Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 06/10/2024.

2. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội: Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình các kiến nghị của Ban và bổ sung cơ sở thực tiễn ban hành Nghị quyết phù hợp với quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất tiếp thu, báo cáo bổ sung cơ sở thực tiễn ban hành Nghị quyết như sau:

- Giai đoạn 2021 - 2024, các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia với số mô hình đã xây dựng là 76 (trong đó 63 mô hình theo phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, 13 mô hình theo phương thức hỗ trợ phát triển sản xuất giao nhiệm vụ) với kinh phí 30.025 triệu đồng; chưa xây dựng các mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị.

- Việc xây dựng các mô hình, dự án của các Chương trình mục tiêu quốc gia đã được sự quan tâm và chỉ đạo thường xuyên của các cấp, các ngành từ Tỉnh đến địa phương, đã kịp thời ban hành các quyết định phê duyệt và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện làm cơ sở cho các địa phương triển khai. Sự hưởng ứng của bà con nông dân trong quá trình tham gia thực hiện Chương trình đã tác động tích cực và mang lại hiệu quả thiết thực cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, giúp bà con từng bước bớt khó khăn về kinh tế, có tư liệu sản xuất, dần xóa bỏ phương thức canh tác lạc hậu đem lại hiệu quả cao trong sản xuất nông nghiệp góp phần phát triển kinh tế hộ gia đình của người nghèo nói riêng và toàn Tỉnh nói chung. Các dự án được triển khai dựa trên nhu cầu thực tế của người dân và phù hợp với tình hình sản xuất nông nghiệp của địa phương. Qua đó góp phần giảm 7.059 hộ nghèo.

3. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội: Đề nghị bổ sung căn cứ pháp lý là Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu và bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.



4. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội: Về tên gọi dự thảo nghị quyết và phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1: đề nghị sửa cụm từ “các hoạt động hỗ trợ” thành “dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ”; bỏ cụm từ “hỗ trợ” trước cụm từ “hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” và cụm từ “phát triển sản xuất cộng đồng” để đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh được giao tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Tiếp thu một phần ý kiến trên như sau:

- Thống nhất tiếp thu: bỏ cụm từ “hỗ trợ” trước cụm từ “hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị” và cụm từ “phát triển sản xuất cộng đồng”.

- Tiếp thu một phần việc sửa đổi cụm từ “**các hoạt động hỗ trợ**” thành “**dự án, kế hoạch, phương án**” nhưng không tiếp thu việc thêm cụm từ “**nhiệm vụ**” vào tên gọi và phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1.

Lý do không tiếp thu bổ sung cụm từ “**nhiệm vụ**”:

+ Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

Tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, quy định: “Đối với **dự án, kế hoạch** của địa phương, cơ quan phê duyệt dự án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định...”.

Đồng thời, tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, quy định: “Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị là phương thức hỗ trợ thông qua **dự án, kế hoạch** liên kết do đơn vị chủ trì liên kết hợp tác với các đối tượng liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, dịch vụ theo chuỗi giá trị.”

Như vậy, các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị được triển khai thông qua việc hỗ trợ các “**dự án và kế hoạch**”, không đề cập đến cụm từ “**nhiệm vụ**”.

+ Đối với hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

Tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, quy định: “Cơ quan phê duyệt **dự án, phương án** quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, quy định: “Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng là phương thức hỗ trợ cộng đồng dân cư thực hiện **dự án, phương án** phát triển sản xuất, dịch vụ do chính cộng đồng dân cư đề xuất và tổ chức thực hiện.”.

Tương tự, cụm từ **“nhiệm vụ”** không được đề cập một cách cụ thể. Điều này cho thấy rằng việc triển khai thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thông qua việc hỗ trợ các **“dự án và phương án”**.

Đồng thời, các nội dung về quản lý và triển khai đã được quy định cụ thể trong các dự án, kế hoạch và phương án, điều này đủ để bao quát các hoạt động cần thiết trong các chương trình mục tiêu quốc gia mà không nhất thiết phải thêm cụm từ **“nhiệm vụ”**. Do đó, UBND tỉnh đề nghị không thêm cụm từ **“nhiệm vụ”**.

Tên gọi dự thảo nghị quyết và phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 sau điều chỉnh, bổ sung như sau:

- **Về tên gọi dự thảo Nghị quyết:** “Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước”.

- **Về phạm vi điều chỉnh:** “Nghị quyết này quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.”

5. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội: Tại khoản 2 Điều 1: Đề nghị sửa cụm từ “Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ” thành cụm từ “Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách trong dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ”.

* **Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** tiếp thu một phần ý kiến của Ban Văn hóa - Xã hội. Tương tự giải trình như trên đối với việc không tiếp thu cụm từ **“nhiệm vụ”**. Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung nội dung tại khoản 2 Điều 1 của dự thảo như sau:

“2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách trong dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.”

6. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội tại Điều 2:



a) Tại điểm b khoản 1 Điều 2: đề nghị bổ sung cụm từ “tại điểm a khoản 1 Điều này” trước cụm từ “tối đa không quá 05 tỷ đồng”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết. Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung như sau: “*b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 05 tỷ đồng.*”.

b) Tại điểm d khoản 2 Điều 2: đề nghị sửa cụm từ “tiến độ kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia” thành “tiến độ thực hiện các dự án, kế hoạch thuộc chương trình mục tiêu quốc gia” cho rõ nghĩa.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết. Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung như sau: “*d) Phù hợp với mục tiêu, nguồn lực, tiến độ thực hiện các dự án, kế hoạch, phương án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.*”.

7. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội tại Điều 3:

a) Tại điểm a khoản 1 Điều 3 đề nghị sửa cụm từ “thực hiện một dự án” thành cụm từ “thực hiện một dự án, phương án”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết.

b) Tại điểm b khoản 1 Điều 3: đề nghị bổ sung cụm từ “tại điểm a khoản 1 Điều này” trước cụm từ “tối đa không quá 03 tỷ đồng”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết. Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung như sau: “*b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, phương án sản xuất cộng đồng tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 03 tỷ đồng.*”.

c) Tại điểm a khoản 2 Điều 3: thay cụm từ “và quy định của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương” bằng cụm từ “và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh” để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu.

d) Tại điểm b khoản 2 Điều 3: đề nghị sửa cụm từ “dự án hỗ trợ phát triển sản xuất” thành cụm từ “dự án, phương án sản xuất cộng đồng” để phù hợp với thẩm quyền của HĐND tỉnh tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và quy định tại điểm b khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP; bổ sung cụm từ “làm đại diện” sau cụm từ “đồng bào dân tộc thiểu số miền núi”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu. Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung như sau:



“b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi làm đại diện.”.

đ) Tại điểm d khoản 2 Điều 3: đề nghị thêm cụm từ “phương án” sau cụm từ “dự án”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Nghị quyết. Nội dung sau điều chỉnh, bổ sung như sau: “d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất cộng đồng phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phân đối ứng thực hiện dự án, phương án.”

8. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội tại Điều 4: đề nghị bỏ cụm từ “kinh phí đối ứng của các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình”.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu.

9. Ý kiến của Ban văn hóa - xã hội tại Điều 5:

a) Tại khoản 2 Điều 5, đề nghị thêm cụm từ “quy phạm pháp luật” sau cụm từ “các văn bản”; thay từ “mới” bằng cụm từ “được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó”

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu. Nội dung sau khi điều chỉnh, bổ sung như sau:

“3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.”.

b) Bổ sung một khoản về quy định chuyển tiếp đối với các dự án, phương án, kế hoạch đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu, bổ sung thêm khoản 2 vào giữa khoản 1 và khoản 2 Điều 5. Nội dung bổ sung như sau:

“2. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.”.

10. Nơi nhận: đề nghị bổ sung Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

*** Ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh:** Thống nhất tiếp thu.

Trên đây là Báo cáo tiếp thu ý kiến thẩm tra tại Báo cáo số 54/BC-HĐND-VHXH ngày 21/10/2024 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân

tỉnh thẩm tra dự thảo Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

(Kèm theo dự thảo Nghị quyết đã tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban VHXX, HĐND tỉnh;
- Sở LĐTBXH, Sở NN&PTNT, BDT;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch-HĐND).



CHỦ TỊCH

Trần Tuệ Hiền



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/NQ-HĐND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

ĐU THAO

(Đã tiếp thu ý kiến tham tra
của Ban VH-XH, HĐND tỉnh)

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC KHÓA X, KỲ HỌP THỨ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 54/BC-VHXXH ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Ban văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn ngân sách trong dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

1. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, kế hoạch liên kết tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 05 tỷ đồng.

2. Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

a) Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

b) Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

c) Các dự án, kế hoạch liên kết phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Phù hợp với mục tiêu, nguồn lực, tiến độ thực hiện các dự án, kế hoạch thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Mức hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước

a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một dự án, phương án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một dự án, phương án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Mức hỗ trợ thực hiện một dự án, phương án sản xuất cộng đồng tại điểm a khoản 1 Điều này tối đa không quá 03 tỷ đồng.

2. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng

a) Các dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi làm đại diện.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất cộng đồng phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh, huyện, thị xã, thành phố đối ứng thuộc nguồn vốn sự nghiệp các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định hiện hành khác.

2. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực từ ngày tháng ... năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB),
Bộ LĐ-TB và XH, Bộ KH và ĐT, Bộ NN và PTNT;
- Ủy ban Dân tộc;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH, UBND,
BTTUBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh (VP UBND tỉnh);
- LĐVP, các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ TƯ PHÁP

Số: 2486 /STP-PC

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến của
Ban Văn hoá -Xã hội, HĐND tỉnh tại
Báo cáo số 54/BC-HĐND-VHXXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 4365/UBND-KGVX ngày 23/10/2024 của UBND tỉnh về việc tham mưu tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Văn hoá -Xã hội, HĐND tỉnh tại Báo cáo số 54/BC-HĐND-VHXXH. Qua nghiên cứu Báo cáo số 54/BC-HĐND-VHXXH và các văn bản có liên quan, Sở Tư pháp tiếp thu, giải trình như sau:

Theo gạch đầu dòng thứ nhất khoản 2 Báo cáo thẩm tra số 54/BC-HĐND-VHXXH ngày 21/10/2024 của Ban Văn hoá – Xã hội, HĐND tỉnh có nêu: “*Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp chưa khẳng định quan điểm thẩm định của Sở về các nội dung như: tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật theo quy định tại khoản 36 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020. Đề nghị bổ sung văn bản khẳng định quan điểm thẩm định của Sở Tư pháp về các nội dung trên.*”. Đối với nội dung này, Sở Tư pháp xin báo cáo, giải trình như sau:

Theo quy định tại khoản 4 Điều 7 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thì: “*Cơ quan thẩm định chịu trách nhiệm trước cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trình hoặc cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kết quả thẩm định đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.*”.

Cơ quan thẩm tra chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về kết quả thẩm tra dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.”.

Căn cứ quy định nêu trên thì Sở Tư pháp là cơ quan thẩm định đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, do đó Sở Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh đối với kết quả thẩm định Nghị quyết nêu trên.

Theo Báo cáo số 290/BC-STP ngày 26/9/2024 của Sở Tư pháp thì nội dung tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật đã được thể hiện tại khoản 2 Mục II Báo cáo số 290/BC-STP (nội dung này được xem xét, đánh giá từ quá trình đề nghị xây dựng Nghị quyết, lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan đến quá trình tiếp thu, chỉnh sửa dự thảo Nghị quyết...). Tại Mục III Báo cáo số 290/BC-STP Sở Tư pháp đã kết luận cụ thể điều kiện trình của dự thảo Nghị quyết; đồng thời, dự thảo Nghị quyết quy định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được UBND tỉnh trình HĐND tỉnh tại Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 06/10/2024.

Trên đây là tiếp thu, giải trình ý kiến của Ban Văn hoá -Xã hội, HĐND tỉnh tại Báo cáo số 54/BC-HĐND-VHXX, Sở Tư pháp báo cáo UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở LĐ, TB&XH (để biết);
- Giám đốc (báo cáo);
- PGĐ. Trần Thanh Long;
- Lưu: VT, PC.



Trần Thanh Long